

KẾ HOẠCH

Cải thiện, nâng cao Chỉ số Cải cách hành chính (PAR INDEX) tỉnh Đắk Nông năm 2020

I. KẾT QUẢ CHỈ SỐ CCHC (PAR INDEX) NĂM 2019

1. Kết quả chỉ số CCHC năm 2019

Tỉnh Đắk Nông đạt 78,92/100 điểm, xếp hạng 56/63, tăng 7,89 điểm và tăng 04 bậc so với năm 2018, trong đó: Điểm thực hiện công tác CCHC tại tỉnh đạt: 54,16/66,5 điểm; Điểm điều tra xã hội học đạt: 24,76/33,5 điểm.

Chia theo từng lĩnh vực có thành phần điểm cụ thể như sau:

- **Lĩnh vực 1:** Công tác chỉ đạo, điều hành đạt 7,5/8,5 điểm, xếp thứ 16/63 (Không có điểm điều tra xã hội học).
- **Lĩnh vực 2:** Xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản QPPL đạt 8,6/10 điểm, xếp thứ 44/63, trong đó: Điểm thực hiện CCHC đạt 5/5 điểm (Năm trong nhóm 1/3 nhóm của cả nước); điểm điều tra XHH đạt 3,6/5 điểm (Xếp thứ 54/63).
- **Lĩnh vực 3:** Cải cách TTHC đạt 12,97/14 điểm, xếp thứ 22/63 (Không có điểm điều tra xã hội học).
- **Lĩnh vực 4:** Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước đạt 10,24/12 điểm, xếp thứ 6/63, trong đó: Điểm thực hiện CCHC đạt 7,25/7,5 điểm (Xếp thứ 3/63); điểm điều tra XHH đạt 2,98/4,5 điểm (Xếp thứ 54/63).
- **Lĩnh vực 5:** Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đạt 9,89/14 điểm, xếp thứ 60/63, trong đó: Điểm thực hiện CCHC đạt 5,51/8 điểm (Xếp thứ 54/63); điểm điều tra XHH đạt 4,38/6 điểm (Xếp thứ 58/63).
- **Lĩnh vực 6:** Cải cách Tài chính công đạt 9,67/12,5 điểm, xếp thứ 26/63, trong đó: Điểm thực hiện CCHC đạt 6,68/8,5 điểm (Xếp thứ 21/63); ; điểm điều tra XHH đạt 2,99/4 điểm (Xếp thứ 55/63).
- **Lĩnh vực 7:** Hiện đại hóa nền hành chính đạt 10,30/13 điểm, xếp thứ 39/63, trong đó: Điểm thực hiện CCHC đạt 7,25/9 điểm (Xếp thứ 34/63); điểm điều tra XHH đạt 3,05/4 điểm (Xếp thứ 54/63).
- **Lĩnh vực 8:** Đánh giá tác động của CCHC đến sự hài lòng của người dân, tổ chức và phát triển kinh tế xã hội của địa phương đạt 9,75/16 điểm, xếp thứ 63/63 (năm 2018 xếp thứ 38/63), trong đó: Kết quả tác động đến sự hài lòng của người

dân, tổ chức (*Chỉ số SIPAS*) đạt 7,75/10 điểm (*Xếp thứ 60/63*); tác động đến phát triển kinh tế - xã hội đạt 2/6 điểm (*Xếp thứ 61/63*)¹.

- Khảo sát lãnh đạo quản lý, đại biểu HĐND tỉnh: Đạt 17,01/23,5 xếp thứ 58/63².

2. Kết quả Chỉ số CCHC (PAR INDEX) 2019 so với năm 2018

(có Phụ lục 01 kèm theo)

3. Những nội dung không đạt điểm, bị trừ điểm và trách nhiệm liên quan

(có Phụ lục 02 kèm theo).

3. Đánh giá chung

a) Kết quả đạt được:

- UBND tỉnh ban hành các văn bản chỉ đạo điều hành về công tác CCHC đảm bảo đúng nội dung, thời gian theo quy định. Thực hiện nghiêm túc việc kiểm tra CCHC trên địa bàn tỉnh, quán triệt, chấn chỉnh qua kiểm tra. Công tác tuyên truyền CCHC thực hiện hiệu quả với nhiều hình thức như: Tập huấn, bồi dưỡng; xây dựng pa nô, áp phích, tờ rơi; tin bài, phóng sự, chuyên trang, chuyên mục trên báo, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh... Công tác cải cách thể chế được đảm bảo thực hiện đầy đủ và đúng quy định. TTHC được rút ngắn thời gian giải quyết, tỷ lệ hồ sơ đúng hẹn cao; bộ máy các cơ quan nhà nước được sắp xếp tinh gọn hoạt động hiệu lực, hiệu quả; việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quá trình vận hành công việc đã giúp cho cán bộ, công chức giải quyết công việc thông suốt, nhanh gọn, giảm thiểu các hồ sơ, văn bản giấy...

- Một số tiêu chí, tiêu chí thành phần năm 2018 bị trừ điểm, không đạt điểm, năm 2019 đã đạt điểm như: Nhập, đăng tải công khai TTHC vào Cơ sở dữ liệu quốc gia sau khi công bố; tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và đơn vị hành

¹ Đánh giá tác động của CCHC đến sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (*Chỉ số SIPAS*) với tổng số phiếu điều tra là 480 phiếu, trong đó: Điều tra dịch vụ công của 06 cơ quan chuyên môn cấp tỉnh (*các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải, Xây dựng, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tư pháp*) là 120 phiếu; điều tra dịch vụ công của 06 đơn vị hành chính cấp huyện (*Đắk Glong, Cư Jut, Đắk Mil, Đắk R'lấp, Đắk Song và TP Gia Nghĩa*) là: 180 phiếu và điều tra dịch vụ công của 18 đơn vị hành chính cấp xã thuộc 06 đơn vị hành chính cấp huyện nêu trên với 180 phiếu, gồm các xã, phường, thị trấn: Đắk Som; Quảng Khê; Đắk Plao, huyện Đắk Glong; Đắk Wil; Trúc Sơn; EA Tling huyện Cư Jut; Đắk Lao; Long Sơn; TT Đắk Mil, huyện Đắk Mil; Đắk Sin; Đắk Wer; Kiến Đức, huyện Đắk R'lấp; Đắk Môt; Thuận Hà; Đức An, huyện Đắk Song; Đắk Nia; Nghĩa Đức; Nghĩa Tân, thành phố Gia Nghĩa.

² Khảo sát lãnh đạo quản lý đo lường sự hài lòng của công chức, lãnh đạo quản lý, đại biểu Hội đồng nhân tỉnh đối với công tác CCHC của tỉnh với tổng số phiếu điều tra là 153 phiếu, trong đó: Đại biểu HĐND cấp tỉnh: 30 phiếu; lãnh đạo cấp sở: 03 người/sở x 19 sở/ngành là 53 phiếu (*Do có đơn vị chỉ có 2 người*); lãnh đạo phòng thuộc cơ quan chuyên môn cấp tỉnh: 01 người/phòng x 4 phòng/sở x 19 sở, ngành là 75 phiếu (*Do có đơn vị chỉ có 3 người*); lãnh đạo UBND cấp huyện: Đắk Mil, Krông Nô, Cư Jut: 03 người/huyện x 03 huyện là 09 phiếu.

chính cấp huyện, cấp xã công khai TTHC đầy đủ, đúng quy định tại nơi tiếp nhận, giải quyết TTHC; thực hiện quy định về cơ cấu số lượng lãnh đạo tại các cơ quan hành chính; xử lý các vấn đề về phân cấp phát hiện qua kiểm tra; tỷ lệ giảm chi trực tiếp ngân sách cho đơn vị sự nghiệp so với năm 2015; tỷ lệ văn bản trao đổi giữa các cơ quan hành chính nhà nước dưới dạng điện tử; thực hiện kết nối, liên thông các phần mềm quản lý văn bản; tỷ lệ hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 3 và 4; Tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện thực hiện đúng việc duy trì, cải tiến ISO 9001:2015 theo quy định.

b) Tồn tại, hạn chế:

- Về công tác chỉ đạo điều hành: Chưa hoàn thành đúng tiến độ 100% nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao trong năm đánh giá. Sáng kiến, giải pháp mới trong CCHC chưa nhiều, chủ yếu vẫn là các sáng kiến của các cơ quan đầu mối triển khai CCHC.

- Về cải cách TTHC: Một số cơ quan, đơn vị chưa công khai đầy đủ nội dung, quy định TTHC sau khi công bố; chưa cập nhật kịp thời kết quả giải quyết hồ sơ TTHC trên Cổng Dịch vụ công của tỉnh dẫn đến hồ sơ trễ hẹn.

- Về cải cách tổ chức bộ máy: Một số Sở, Ban, ngành; UBND các huyện, thành phố chưa thực hiện đúng quy định về cơ cấu số lượng lãnh đạo tại các cơ quan hành chính³.

- Về xây dựng và nâng cao chất lượng CBCCVV: Khung năng lực vị trí việc làm đối với các đơn vị sự nghiệp của tỉnh vẫn chưa được phê duyệt; thực hiện quy định về bổ nhiệm vị trí lãnh đạo tại các cơ quan hành chính một số trường hợp bổ nhiệm lãnh đạo cấp phòng thiếu tiêu chuẩn; tỷ lệ đạt chuẩn của cán bộ, công chức cấp xã chưa đạt 100%.

- Về cải cách tài chính công: Chưa hoàn thành giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước; chậm thực hiện các kiến nghị, kết luận của thanh tra, kiểm toán về công tác tài chính - ngân sách; chưa ban hành đầy đủ các văn bản về quản lý, sử dụng tài sản công theo quy định.

- Về hiện đại hóa hành chính: Cổng Dịch vụ công của tỉnh chưa đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn kỹ thuật được quy định trong Quyết định số 1697/QĐ-BTTTT ngày 23/10/2018 của Bộ Thông tin và Truyền thông; tỷ lệ hồ sơ cung cấp trực tuyến mức độ 3, 4 có phát sinh trong năm còn thấp.

³ Các Phòng tại cấp Sở có số lượng lãnh đạo bằng số lượng chuyên viên gồm: Sở Kế hoạch và Đầu tư (Phòng Quản lý ngành và Phòng Kinh tế đối ngoại); Sở Lao động, thương binh và xã hội (Phòng Trẻ em và Bình đẳng giới); Sở Tài nguyên và Môi trường (Phòng Khoáng sản - Tài nguyên nước); Ban Dân tộc (Phòng Nghiệp vụ).

Các Phòng tại cấp huyện có số lượng lãnh đạo bằng số lượng chuyên viên gồm: UBND các huyện, thành phố: Gia Nghĩa (Phòng Thanh tra, Phòng Dân tộc); Krông Nô (Phòng Văn hóa); Đắk Mil (Phòng Y tế); Đắk Glong (Phòng Thanh tra, Phòng Tư pháp); Tuy Đức (Phòng Tư pháp); Cư Jut (Phòng Dân tộc); Đắk Song (Phòng Dân tộc, Phòng Kinh tế - Hạ tầng, Phòng Thanh tra, Phòng Giáo dục và Đào tạo).

- Đặc biệt, qua kết quả điều tra xã hội học gồm: Sự hài lòng của người dân, tổ chức (Chỉ số SIPAS) và sự hài lòng của lãnh đạo, quản lý, Đại biểu HĐND tỉnh đều ở mức thấp và thấp nhất của cả nước, cho thấy mặc dù kết quả thực hiện các nhiệm vụ CCHC của tỉnh đã đạt nhiều kết quả đáng ghi nhận, tuy nhiên người dân, tổ chức, cán bộ lãnh đạo, quản lý vẫn chưa thực sự hài lòng.

II. KẾ HOẠCH CẢI THIỆN, NÂNG CAO CHỈ SỐ CCHC (PAR INDEX) TỈNH ĐẮK NÔNG NĂM 2020

1. Mục đích, yêu cầu

1.1. Mục đích

- Phát huy tính chủ động của cơ quan, đơn vị trong triển khai công tác CCHC, coi triển khai nhiệm vụ CCHC là một nội dung quan trọng, xuyên suốt của mỗi cơ quan, đơn vị.

- Phân đấu Chỉ số CCHC năm 2020 tăng từ 02 bậc trở lên so với năm 2019.

1.2. Yêu cầu

- Việc triển khai công tác CCHC các cơ quan, đơn vị phải bám sát nội dung, chương trình tổng thể CCHC của Chính phủ, của UBND tỉnh, các tiêu chí theo quy định của Bộ Nội vụ.

- Nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trong triển khai các nội dung CCHC.

2. Nội dung nhiệm vụ (có Phụ lục 03 kèm theo).

3. Tổ chức thực hiện

3.1. Giao các Sở, Ban, ngành, các cơ quan ngành dọc của Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh; UBND các huyện, thành phố và các đơn vị có liên quan

- Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành, các cơ quan ngành dọc của Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố căn cứ nội dung Kế hoạch này và kết quả Chỉ số CCHC cấp tỉnh năm 2019 (Công bố tại Quyết định số 330/QĐ-BNV ngày 13/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ) chịu trách nhiệm trực tiếp chỉ đạo khắc phục những tồn tại, hạn chế đối với các tiêu chí, tiêu chí thành phần không đạt điểm, không đạt điểm tối đa đã được UBND tỉnh giao chủ trì. Tiếp tục phát huy những mặt đạt, đổi mới tư duy, nhận thức, coi công tác CCHC là nhiệm vụ trọng tâm, là khâu đột phá trong hoạt động quản lý nhà nước, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Nghiêm túc thực hiện các quy định về xây dựng, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật theo quy định của pháp luật và Kế hoạch của UBND tỉnh.

- Nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ hành chính công cho người dân, tổ chức, đặc biệt dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 và dịch vụ bưu chính công ích nhằm giảm chi phí và đi lại cho người dân, tổ chức khi thực hiện thủ tục hành chính.

- Tiếp tục thực hiện việc rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy, nâng cao chất lượng hoạt động, hiệu lực, hiệu quả của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập theo chương trình, kế hoạch của Tỉnh ủy, UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII. Rà soát, hoàn thiện Đề án vị trí việc làm tại các đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm bố trí viên chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt; thực hiện tinh giản biên chế theo lộ trình được giao.

- Thực hiện quy trình bổ nhiệm lãnh đạo tại các cơ quan, đơn vị bảo đảm theo đúng quy định; rà soát, sắp xếp, bố trí cơ cấu số lượng lãnh đạo cấp phòng bảo đảm tính hợp lý và không nhiều hơn số lượng công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trong phòng.

- Công khai, minh bạch trong sử dụng kinh phí hành chính; thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng kinh phí của cơ quan, đơn vị. Tổ chức thực hiện có hiệu quả các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách, bảo đảm 100% số tiền nộp ngân sách Nhà nước theo kiến nghị.

- Thực hiện tốt việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành, giải quyết thủ tục hành chính nhằm hướng đến nền hành chính hiện đại, minh bạch hiệu quả phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, phục vụ người dân, tổ chức. Áp dụng quy trình quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động đúng quy định.

- Phối hợp chặt chẽ với Bộ Nội vụ, Bưu điện tỉnh thực hiện điều tra xã hội học xác định Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính năm 2020.

- Lãnh đạo các Sở, Ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố nêu cao tinh thần trách nhiệm, bám sát các nội dung trong Phiếu khảo sát của Bộ Nội vụ để đưa ra những đánh giá khách quan, chính xác về công tác CCHC của tỉnh trong năm 2020.

3.2. Giao Sở Nội vụ

- Chủ trì tham mưu UBND tỉnh hướng dẫn các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai Kế hoạch này; theo dõi thực hiện cải thiện các tiêu chí, tiêu chí thành phần về công tác chỉ đạo, điều hành; cải cách tổ chức bộ máy; xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; phối hợp các đơn vị có liên quan tự đánh giá, chấm điểm, xếp loại Chỉ số CCHC cấp tỉnh, tham mưu trình UBND tỉnh báo cáo Bộ Nội vụ theo đúng quy định.

- Phối hợp chặt chẽ với Bộ Nội vụ, Bureau điện tỉnh, Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh và Hội Cựu chiến binh tỉnh thực hiện điều tra xã hội học xác định Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính năm 2020.

3.3. Giao Sở Tư pháp

Chủ trì theo dõi, tham mưu UBND tỉnh triển khai thực hiện hiệu quả các tiêu chí, tiêu chí thành phần thuộc lĩnh vực cải cách thể chế.

3.4. Giao Văn phòng UBND tỉnh

Chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan vận hành hiệu quả hoạt động Công thông tin điện tử của tỉnh, Công Dịch vụ công của tỉnh, Văn phòng điện tử; triển khai thực hiện hiệu quả các tiêu chí, tiêu chí thành phần về cải cách thủ tục hành chính; cung cấp dịch vụ công trực tuyến. Tuyên truyền, phổ biến đến người dân, doanh nghiệp về thực hiện dịch vụ công trực tuyến, thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã theo quy định; triển khai Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh bảo đảm kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ.

3.5. Giao Sở Tài chính

Chủ trì tham mưu UBND tỉnh đôn đốc các đơn vị thực hiện và tổng hợp các nội dung có liên quan các tiêu chí, tiêu chí thành phần thuộc lĩnh vực cải cách tài chính công; tham mưu UBND tỉnh hướng dẫn các cơ quan, đơn vị triển khai hiệu quả cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005, Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 và Nghị định số 115/2005/NĐ-CP ngày 05/9/2005 của Chính phủ; Tổ chức điều hành dự toán ngân sách nhà nước năm 2020 đảm bảo theo dự toán được cấp thẩm quyền phê duyệt.

3.6. Giao Sở Thông tin và Truyền thông

Chủ trì tham mưu UBND tỉnh thực hiện hiệu quả các tiêu chí, tiêu chí thành phần thuộc lĩnh vực hiện đại hóa hành chính, trong đó trọng tâm là việc triển khai ứng dụng công nghệ thông tin; Chính quyền điện tử; chứng thư số, chữ ký số; trao đổi văn bản dưới dạng điện tử và triển khai phần mềm ISO điện tử tại các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.

3.7. Giao Sở Khoa học và Công nghệ

Chủ trì tham mưu UBND tỉnh triển khai hiệu quả việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tại các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh.

3.8. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì tham mưu UBND tỉnh các tiêu chí, tiêu chí thành phần thuộc lĩnh vực tác động của CCHC đến phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh: Mức độ thu hút đầu tư của tỉnh; Mức độ phát triển doanh nghiệp của tỉnh.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) để xem xét, chỉ đạo xử lý./.

Nơi nhận:

- TT. Tỉnh ủy,
- TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban chỉ đạo CCHC tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, TTHCC, HCQT, NCKSTT.



CHỦ TỊCH

Nguyễn Bôn

PHỤ LỤC 01

Kết quả Chỉ số CCHC (PAR INDEX) 2019 so với năm 2018

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số **379** /KH-UBND ngày **16** tháng 7 năm 2020 của UBND tỉnh)

ST T	Lĩnh vực	Điểm đạt được		Thứ hạng		Tăng (+), giảm (-) năm 2019 so với 2018	
		2018	2019	2018	2019	Điểm	Thứ hạng
	Tổng điểm	71,03/100	78,92/100	60/63	56/63	(+7,89)	(+4)
1	Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC	7/9	7,5/8,5	27/63	16/63	(+0,5)	(+11)
2	Xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản QPPL tại tỉnh	8,05/10	8,6/10	51/63	44/63	(+0,55)	(+7)
3	Cải cách TTHC	10,98/13	12,97/14	37/63	22/63	(+1,99)	(+15)
4	Cải cách tổ chức bộ máy hành chính	7,84/12	10,24/12	60/63	6/63	(+2,4)	(+54)
5	Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ CBCCVN	9,14/13,50	9,89/14	56/63	60/63	(+0,75)	(-4)
6	Cải cách tài chính công	8,25/12,5	9,67/12,5	43/63	26/63	(+1,42)	(+17)
7	Hiện đại hoá hành chính	6,84/13,5	10,30/13	61/63	39/63	(+3,46)	(+22)
8	Tác động của CCHC đến người dân, tổ chức và các chỉ tiêu phát triển kinh tế xã hội của tỉnh	12,94/16,5	9,75/16	38/63	63/63	(-3,19)	(-25)
8.1	Tác động của CCHC đến người dân, tổ chức (Chỉ số SIPAS)	9,44/12	7,75/10	48/63	60/63	(-1,69)	(-12)
8.2	Tác động của CCHC đến các chỉ tiêu phát triển kinh tế xã hội của tỉnh	3,5/4,5	2/6	Nhóm nhóm nước	61/63		
-	Điểm khảo sát Đại biểu HĐND tỉnh, lãnh đạo, quản lý sở, ngành, UBND cấp huyện (Năm trong thành phần điểm điều tra XHH, chiếm 23.5/33.5 điểm)	14,70/23,5	17,01/23,5	63/63	58/63	(+2,31)	(+5)



PHỤ LỤC 02

Những nội dung không đạt điểm, bị trừ điểm và trách nhiệm liên quan trong thực hiện công tác CCHC của tỉnh năm 2019
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 53/KH-UBND ngày 16 tháng 7 năm 2020 của UBND tỉnh Đắk Nông)

TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần bị trừ điểm	Điểm tối đa	Điểm đạt được	Nguyên nhân không đạt điểm và bị trừ điểm	Trách nhiệm liên quan
I	ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CCHC	66,5	54,14		
1	Công tác chỉ đạo điều hành	8,5	7,5	Trừ 01 điểm	
-	Sáng kiến hoặc giải pháp mới trong cải cách hành chính	2	1,5	Trừ 0,5 điểm: Vì trong năm tỉnh chỉ có 02 sáng kiến CCHC mới được ghi nhận: (1) Áp dụng thi tuyển công chức, thi thăng hạng bằng phần mềm máy tính; (2) Sử dụng biên lai điện tử, lần đầu tiên được áp dụng tại tỉnh Đắk Nông trong giải quyết TTHC. <i>(Để đạt điểm tối đa ở tiêu chí này trong năm tỉnh cần có từ 03 sáng kiến hoặc giải pháp CCHC mới trở lên)</i>	Các Sở, Ban, ngành; UBND cấp huyện
-	Thực hiện các nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao	1,5	1	Trừ 0,5 điểm: Theo báo cáo số 11840/BC-VPCP ngày 28/12/2019 của Văn phòng Chính phủ, tỉnh có 02 nhiệm vụ hoàn thành muộn so với thời hạn quy định: Báo cáo quý I và báo cáo 9 tháng đầu năm về tình hình thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ bị trễ hạn	Sở Kế hoạch và Đầu tư
2	Xây dựng và tổ chức thực hiện VBQPPL	5	5	Đạt điểm tối đa	
3	Cải cách thủ tục hành chính	14	12,97	Trừ 1,03 điểm	
-	Công khai TTHC trên Cổng thông tin điện tử (TTĐT) của tỉnh và Trang TTĐT của các cơ quan, đơn vị	0,75	0,25	Trừ 0,5 điểm: Kết quả thẩm định, kiểm tra trực tiếp trên website: (1) Trang DVC của tỉnh chưa công khai, cập nhật đầy đủ TTHC thuộc lĩnh vực NNPTNT (Bộ NNPTNT công bố 103 TTHC cấp tỉnh, nhưng địa phương mới chỉ công khai 84 TTHC); lĩnh vực giáo dục chưa cập nhật quy định mới TTHC về hệ thống văn bằng chứng chỉ.	- Văn phòng UBND tỉnh; - Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn; - Sở Giáo dục và Đào tạo



TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần bị trừ điểm	Điểm tối đa	Điểm đạt được	Nguyên nhân không đạt điểm và bị trừ điểm	Trách nhiệm liên quan
-	Công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC trên Cổng TTĐT hoặc Công dịch vụ công của tỉnh	0,75	0,25	Trừ 0,5 điểm: Tình đã công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC trên Cổng TTĐT và Công dịch vụ công của tỉnh nhưng chưa đầy đủ Trừ 0,03 điểm: Vì việc giải quyết TTHC ở 3 cấp vẫn chưa đảm bảo đúng hạn 100%, thể hiện: - Tỷ lệ hồ sơ TTHC được giải quyết đúng hạn tại cấp tỉnh: Đạt 1.49/1.5 điểm. - Tỷ lệ hồ sơ TTHC được giải quyết đúng hạn tại cấp huyện: Đạt 1.48/ 1.5 điểm. - Tỷ lệ hồ sơ TTHC được giải quyết đúng hạn tại cấp xã: Đạt 0.99/1 điểm. (Tình đã thực hiện tới việc tiếp nhận và giải quyết TTHC, tuy nhiên để đạt điểm tối đa ở tiêu chí này thì kết quả giải quyết TTHC ở 3 cấp cần phải đúng hạn, trước hạn đạt 100%)	Văn phòng UBND tỉnh; Các Sở, Ban, ngành; UBND cấp huyện
4	Cải cách tổ chức Bộ máy hành chính	7,5	7,25	Trừ 0,25 điểm Trừ 0,25 điểm: Vì tỷ lệ giảm biên chế hành chính năm 2019 so với năm 2015 của tỉnh mới đạt 8,34%. (Để đạt được điểm tối đa tiêu chí này thì đến năm 2019 cần đạt tỷ lệ tinh giảm biên chế từ 10% trở lên so với năm 2015)	
-	Tỷ lệ giảm biên chế hành chính so với năm 2015	1,5	1,25		Sở Nội vụ; các Sở, Ban, ngành; UBND cấp huyện
5	Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ CBCC,VC	8	5,51	Trừ 2,49 điểm	

TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần bị trừ điểm	Điểm tối đa	Điểm đạt được	Nguyên nhân không đạt điểm và bị trừ điểm	Trách nhiệm liên quan
-	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh bố trí viên chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt	1	0	Trừ 1 điểm: Vì các đơn vị sự nghiệp của tỉnh chưa xây dựng khung vị trí việc làm đối với viên chức các đơn vị sự nghiệp công lập	Sở Nội vụ; Các Sở, Ban, ngành; UBND cấp huyện
-	Thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức theo thẩm quyền của tỉnh	0,5	0,25	Trừ 0,25 điểm: Kết quả thẩm định cho thấy việc xét thăng hạng viên chức ở huyện Đắk R'Lấp còn phát hiện nhiều sai phạm	UBND huyện Đắk R'Lấp
-	Thực hiện quy định về bổ nhiệm vị trí lãnh đạo tại các cơ quan hành chính	0,75	0,5	Trừ 0,25 điểm: Kết quả thẩm định cho thấy việc bổ nhiệm lãnh đạo cấp phòng thiếu tiêu chuẩn ở huyện Đắk Lấp, Tuy Đức	UBND huyện Đắk R'Lấp; Tuy Đức
-	Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức	1,5	1	Trừ 0,5 điểm: Vì theo kết luận của Ủy ban kiểm tra Trung ương, trong năm 2019 tỉnh Đắk Nông có lãnh đạo UBND tỉnh bị kỷ luật mức khiển trách	
-	Tỷ lệ đạt chuẩn của cán bộ, công chức cấp xã	1	0,5	Trừ 0,5 điểm: Vì chất lượng CBCC cấp xã chưa đạt chuẩn 100%, cụ thể: - Cán bộ: 786 người, đạt chuẩn chuyên môn 666/786 (đạt 84.73%); - Công chức chuyên môn: 770 người, đạt chuẩn chuyên môn 762/770 (đạt 98.96%) (Theo quy định CBCC phải đạt chuẩn 100% mới đạt điểm tối đa)	UBND các huyện, thành phố
6	Cải cách tài chính công	8,5	6,68	Trừ 1,82 điểm	
-	Thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước hàng năm	1	0,93	Trừ 0,07 điểm: Theo số liệu tổng hợp của Bộ Tài chính: Số vốn NSNN được giao giải ngân theo kế hoạch là 1.548,961 tỷ đồng (Một năm trăm bốn mươi tám tỷ chín trăm sáu mươi một triệu đồng), Số vốn NSNN trong năm đã giải ngân là 1.305,045 tỷ đồng (Một nghìn ba trăm linh năm tỷ không trăm bốn mươi lăm triệu đồng), đạt 84.25% kế hoạch. (Để đạt điểm tối đa tiêu chí này thì việc giải ngân vốn cần đạt 100%)	Sở Kế hoạch và Đầu tư

TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần bị trừ điểm	Điểm tối đa	Điểm đạt được	Nguyên nhân không đạt điểm và bị trừ điểm	Trách nhiệm liên quan
-	Tổ chức thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách	1	0	Trừ 01 điểm: Theo đánh giá của Kho Bạc Nhà nước, Tổng số tiền tình phải nộp vào ngân sách nhà nước theo kiến nghị là 342.457 triệu đồng (<i>Ba tỷ bốn trăm hai mươi bốn triệu năm trăm bảy mươi nghìn đồng</i>); tổng số đã nộp là: 161.563 triệu đồng (<i>Một tỷ sáu trăm mười lăm triệu sáu trăm ba mươi nghìn đồng</i>), đạt tỷ lệ: 47% (<i>Theo quy định dưới 80% số tiền nộp NSNN theo kiến nghị thì không đạt điểm</i>)	Sở Tài chính
-	Ban hành các văn bản thuộc thẩm quyền của tỉnh về quản lý, sử dụng tài sản công	0,5	0,25	Trừ 0,25 điểm: Vì tỉnh đã ban hành các văn bản thuộc thẩm quyền của tỉnh về quản lý, sử dụng tài sản công nhưng chưa đầy đủ (<i>Các quy định về định mức ô tô, điện tích, hao mòn tính chưa ban hành</i>)	Sở Tài chính
-	Ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý	0,5	0,25	Trừ 0,25 điểm: Vì tỷ lệ % giữa số cơ quan, đơn vị đã ban hành trong tổng số cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi đánh giá mới chỉ đạt 80,9% (<i>Theo quy định 100% số cơ quan, đơn vị đã ban hành mới đạt điểm tối đa</i>)	Sở Tài chính
-	Thực hiện quy định về sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc thẩm quyền quản lý	0,75	0,5	Trừ 0,25 điểm: Vì trên địa bàn tỉnh có 990 cơ sở nhà, đất. Nhưng hiện nay UBND tỉnh mới phê duyệt phương án sắp xếp, xử lý 625 cơ sở nhà, đất, đạt 63%. (<i>Theo quy định từ 80% số cơ sở nhà, đất trở lên được phê duyệt phương án sắp xếp mới đạt điểm tối đa</i>)	Sở Tài chính
7	Hiện đại hóa nền hành chính	9	7,25	Trừ 1,75 điểm	
-	Xây dựng, vận hành Cổng dịch vụ công	1	0,5	Trừ 0,5 điểm: Vì theo đánh giá của Bộ TT và TT hiện nay Hệ thống Dịch vụ công của tỉnh chưa đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn kỹ thuật được quy định tại quyết định 1697/QĐ-BTTTT ngày 23/10/2018 của Bộ Thông tin và Truyền thông	- Văn phòng UBND tỉnh; - Sở Thông tin và Truyền thông
-	Xây dựng Hệ thống thông tin báo cáo cấp tỉnh	1	0	Không đạt điểm vì: Hiện nay tỉnh chưa xây dựng Hệ thống thông tin báo cáo cấp tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh

TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần bị trừ điểm	Điểm tối đa	Điểm đạt được	Nguyên nhân không đạt điểm và bị trừ điểm	Trách nhiệm liên quan
-	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3, 4 có phát sinh hồ sơ trong năm	0,25	0	Không đạt điểm vì: Tỷ lệ TTHC mức độ 3, 4 có phát sinh hồ sơ trong năm đạt 38/404 TTHC (Chiếm 9,4%) (Theo quy định phải đạt từ 50% số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3, 4 có phát sinh hồ sơ thì mới đạt điểm)	Văn phòng UBND tỉnh; các Sở, Ban, ngành; UBND cấp huyện.
8	Tác động của CCHC đến sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh	6	2	Trừ 4 điểm	
-	Mức độ thu hút đầu tư của tỉnh	1	0	Không đạt điểm: Vì tổng số vốn thu hút đầu tư của tỉnh trong năm 2019 thấp hơn năm 2018, cụ thể: Tính đến 31/12/2019 thu hút là 839.383.000.000đ (Tám trăm ba mươi chín tỷ ba trăm hai mươi hai triệu đồng). Giảm 524.888.000.000đ (Năm trăm hai mươi bốn tỷ tám trăm tám mươi tám triệu đồng) so với năm 2018. (Theo quy định để đạt điểm tiêu chí này thì mức độ thu hút đầu tư của tỉnh năm đánh giá phải cao hơn so với năm trước liền kề thì mới đạt điểm)	Sở Kế hoạch và Đầu tư
-	Tỷ lệ doanh nghiệp thành lập mới trong năm	1	0	Không đạt điểm: Vì năm 2019, tỉnh chỉ có trên 600 doanh nghiệp thành lập mới, tăng 3.7% so với năm 2018. (Theo quy định để đạt điểm tiêu chí này thì tỷ lệ doanh nghiệp thành lập mới trong năm đánh giá phải tăng từ 10% trở lên so với năm trước liền kề thì mới đạt điểm)	Sở Kế hoạch và Đầu tư
-	Tỷ lệ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP)	1	0	Không đạt điểm: Tại thời điểm đánh giá, căn cứ báo cáo số 577/BC-UBND ngày 18/11/2019 về báo cáo tình hình kinh tế - xã hội năm 2019 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020, tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) ước đạt 20.672 tỷ đồng (Hai mươi nghìn sáu trăm bảy mươi hai tỷ đồng), tốc độ tăng trưởng duy trì ở mức khá, ước đạt 7.83%/ KH 8.09% (Năm 2018 đạt 8,21%/KH 7,52%). (Theo quy định tỷ lệ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) thấp hơn so với năm trước liền kề thì không đạt điểm)	Các Sở, Ban, ngành; UBND cấp huyện; cấp xã



TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần bị trừ điểm	Điểm tối đa	Điểm đạt được	Nguyên nhân không đạt điểm và bị trừ điểm	Trách nhiệm liên quan
-	Mức độ thực hiện các chỉ tiêu phát triển KT-XH do UBND tỉnh giao	1	0	Không đạt điểm: Tại thời điểm đánh giá, căn cứ báo cáo số 577/BC-UBND ngày 18/11/2019 về báo cáo tình hình kinh tế - xã hội năm 2019 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020, trong đó, kết quả thực hiện các chỉ tiêu kinh tế - xã hội năm 2019 của tỉnh có 12/16 (đạt 75%) nhóm chỉ tiêu đạt và vượt kế hoạch đề ra. <i>(Theo quy định dưới 90% chỉ tiêu phải triển KT-XH đạt và vượt thì điểm đánh giá là 0).</i>	Các Sở, Ban, ngành; UBND cấp huyện; cấp xã
II	ĐIỀU TRA XÃ HỘI HỌC	33,5	24,75	<p>Năm 2019 Bộ Nội vụ đánh giá tác động của CCHC đến sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (<i>Chỉ số SIPAS</i>) thực hiện điều tra dịch vụ công của 06 cơ quan chuyên môn cấp tỉnh gồm: Tài nguyên và Môi trường (<i>Cấp giấy chứng nhận QSDĐ, Môi trường</i>); Giao thông vận tải (<i>Cấp Giấy phép lái xe, Vận tải</i>); Xây dựng (<i>Cấp Giấy phép xây dựng; Quy hoạch xây dựng</i>); Văn hóa, Thể thao và Du lịch (<i>Văn hóa cơ sở, Thể dục, thể thao</i>); Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (<i>Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Chăn nuôi và Thú y</i>); Tư pháp (<i>Ty lịch tư pháp, Trợ giúp pháp lý nhà nước</i>);</p> <p>+ Cấp huyện: Cấp giấy phép kinh doanh; Đất đai. + Cấp xã: Lao động, Thương binh và Xã hội; Tư pháp</p> <p>Kết quả đánh giá, tỷ lệ hài lòng của người dân, doanh nghiệp đối với nhiều nội dung chưa cao như: Mức độ đầy đủ, dễ sử dụng của trang thiết bị tại Bộ phận Một cửa; Việc niêm yết công khai TTHC để người dân, tổ chức dễ tiếp cận; Kỹ năng của công chức khi hướng dẫn kê khai hồ sơ để người dân, tổ chức dễ hiểu, hướng dẫn một lần để hoàn thiện hồ sơ. Đặc biệt đối với tiếp nhận, xử lý góp ý, phản ánh, kiến nghị (GYPAKN), các nội dung như: bố trí hình thức tiếp nhận GYPAKN; người dân, tổ chức dễ dàng thực hiện GYPAKN; cơ quan tiếp nhận, xử lý GYPAKN tích cực; cơ quan có thông báo kịp thời kết quả xử lý GYPAKN có tỷ lệ hài lòng rất thấp (đạt 65,95%).</p>	<p>- Chủ trì: Các Sở: Tài nguyên và Môi trường; Giao thông vận tải; Xây dựng; Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Tư pháp; UBND cấp huyện, UBND cấp xã. - Phối hợp: Các Sở, Ban, ngành và các cơ quan, đơn vị liên quan.</p>
1	Sự hài lòng của người dân, tổ chức (<i>Chỉ số SIPAS</i>)	10	7,74		

TT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần bị trừ điểm	Điểm tối đa	Điểm đạt được	Nguyên nhân không đạt điểm và bị trừ điểm	Trách nhiệm liên quan
2	Sự hài lòng của lãnh đạo, quản lý, Đại biểu HĐND tỉnh	23,5	17,01	<p>Qua kết quả điều tra, khảo sát của Bộ Nội vụ cho thấy mức độ hài lòng của lãnh đạo, quản lý, Đại biểu HĐND đối với công tác CCHC của tỉnh vẫn ở mức thấp của cả nước, trong đó có các nội dung được đánh giá ở mức thấp như: Tinh đồng bộ, thống nhất, khả thi của hệ thống văn bản QPPL do các cấp (HĐND, UBND các cấp) ban hành. Việc thực hiện quy chế làm việc của UBND tỉnh; Tinh hợp lý trong việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy của các cơ quan, đơn vị; Tinh hợp lý trong việc phân cấp thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước giữa các cấp tỉnh và cấp huyện. Tinh trạng tiêu cực trong việc tuyên dụng, bổ nhiệm, thi nâng ngạch công chức, viên chức; Năng lực chuyên môn, tinh thần trách nhiệm của công chức trong thực thi nhiệm vụ; Hiệu quả trong thực thi chính sách thu hút người có tài năng vào cơ quan nhà nước. Việc thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng kinh phí của các cơ quan, đơn vị; hiệu quả của việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong quản lý hành chính, tại các đơn vị sự nghiệp công lập, v.v...</p>	Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh; Các Sở, Ban, ngành; UBND cấp huyện.
TỔNG		100	78,92		

Handwritten mark or signature on the left margin.

Small handwritten mark or signature at the bottom right corner.

PHỤ LỤC 03

Phân công nhiệm vụ cải thiện, nâng cao Chỉ số CCHC (PAR INDEX) tỉnh Đắk Nông năm 2020
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 379 /KH-UBND ngày 16 tháng 7 năm 2020 của UBND tỉnh Đắk Nông)

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm đạt năm 2019	Mục tiêu năm 2020	Nhiệm vụ, giải pháp	Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị chủ trì và liên quan
A	ĐIỂM THỰC HIỆN CCHC					
1	Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC	8,5	7,5	8		
1.1	Thực hiện Kế hoạch CCHC	1,5	1,5	1,5	Thực hiện hoàn thành 100% Hoạt động tại Kế hoạch CCHC năm 2020 của tỉnh	Sở Nội vụ; Các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ tại Quyết định số 1999/QĐ-UBND ngày 12/12/2019 của UBND tỉnh
1.2	Thực hiện chế độ báo cáo CCHC định kỳ	0,5	0,5	0,5	Các báo cáo CCHC Quý I, 6 tháng, Quý III và báo cáo năm của tỉnh đáp ứng đầy đủ số lượng, nội dung và gửi đúng thời gian theo quy định	Sở Nội vụ
1.3	Công tác Kiểm tra CCHC	2	2	2	- Kiểm tra từ 30% cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện trở lên. - Đề xuất xử lý và xử lý 100% vấn đề đã phát hiện qua công tác thanh tra, kiểm tra.	- Chủ trì: Sở Nội vụ - Phối hợp: Các cơ quan, đơn vị được kiểm tra
1.4	Công tác tuyên truyền CCHC	1	1	1	Hoàn thành 100% hoạt động tuyên truyền CCHC tại Kế hoạch số 02/KH-UBND ngày 03/01/2020	Các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ tại Kế hoạch số 02/KH-UBND ngày 03/01/2020
1.5	Sáng kiến hoặc giải pháp mới trong cải cách hành chính	2	1,5	1,5	Nghiên cứu xây dựng và áp dụng ít nhất từ 02 sáng kiến CCHC trở lên đáp ứng yêu cầu sau: - Được UBND tỉnh phê duyệt hoặc được Trung ương cho phép thí điểm; - Lần đầu tiên được áp dụng hoặc áp dụng thử để nâng cao hiệu quả thực hiện nhiệm vụ CCHC	Các Sở, Ban, ngành, UBND cấp huyện, các cơ quan, đơn vị liên quan; Tổ Tư vấn CCHC

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm đạt năm 2019	Mục tiêu năm 2020	Nhiệm vụ, giải pháp	Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị chủ trì và liên quan
1.6	Thực hiện các nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao	1,5	1	1,5	<p>trong phạm vi cấp tỉnh;</p> <p>- Đã hoặc có khả năng mang lại lợi ích thiết thực, nâng cao hiệu quả triển khai nhiệm vụ CCHC của tỉnh.</p> <p>Tham mưu UBND tỉnh thực hiện hoàn thành 100% nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao; gửi đúng thời gian các báo cáo định kỳ về thực hiện các Nghị quyết của Chính phủ.</p>	<p>- Chủ trì: Các cơ quan, đơn vị được UBND tỉnh giao chủ trì tham mưu thực hiện các nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao</p> <p>- Phối hợp: Văn phòng UBND tỉnh.</p>
2	Xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật tại tỉnh	10	8,59719	9	<p>- Triển khai 100% nhiệm vụ tại Kế hoạch theo TDTHPL 2020 của tỉnh;</p> <p>- 100% các vấn đề được xử lý theo quy định tại Điều 14, Nghị định số 59/2012/NĐ-CP</p> <p>- Báo cáo kết quả TDTHPL đúng theo yêu cầu</p>	<p>- Chủ trì: Sở Tư pháp</p> <p>- Phối hợp: Các Sở, Ban, ngành, UBND cấp huyện</p>
2.1	Theo dõi thi hành pháp luật (TDTHPL)	2	2	2	<p>- 100% VBQPPL được xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền so với tổng số văn bản phải xử lý sau khi rà soát được xử lý.</p> <p>- Báo cáo kết quả kiểm tra, rà soát VBQPPL của</p>	<p>- Chủ trì: Sở Tư pháp</p> <p>- Phối hợp: Các Sở, Ban, ngành, UBND cấp huyện</p>
2.2	Xử lý VBQPPL sau rà soát, hệ thống hóa	1,5	1,5	1,5		

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm đạt năm 2019	Mục tiêu năm 2020	Nhiệm vụ, giải pháp	Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị chủ trì và liên quan
2.3	Xử lý văn bản phát hiện sai phạm qua kiểm tra	1,5	1,5	1,5	tính theo yêu cầu; Văn bản xử lý kết quả sau rà soát; Văn bản phê bình của UBND tỉnh đối với các cơ quan, đơn vị chậm trong việc tham mưu xử lý các vấn đề phát hiện qua rà soát. - 100% văn bản trả lời pháp luật qua kiểm tra được xử lý - Báo cáo kết quả thực hiện	- Chủ trì: Sở Tư pháp - Phối hợp: Các Sở, Ban, ngành, UBND cấp huyện
2.4	Tác động của cải cách đến chất lượng VBQPPL do tỉnh ban hành	5	3,59719	4	Xây dựng hệ thống văn bản QPPL của tỉnh đảm bảo đồng bộ, thống nhất; phù hợp với đường lối, chính sách của Đảng, điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh. Đồng thời, kịp thời xử lý các bất cập, vướng mắc trong tổ chức thực hiện văn bản QPPL.	Các Sở, Ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã
3	Cải cách thủ tục hành chính	14	12,9752	13,97		
3.1	Kiểm soát quy định thủ tục hành chính (TTHC)	1	1	1	- Tham mưu UBND tỉnh ban hành các quy định TTHC đúng thẩm quyền. - Tham mưu UBND tỉnh xử lý và kiến nghị xử lý 100% vấn đề phát hiện qua rà soát TTHC. - Báo cáo kiểm soát TTHC đúng thời gian quy định	- Chủ trì: Văn phòng UBND tỉnh - Phối hợp: các Sở, Ban, ngành, UBND cấp huyện.
3.2	Công bố, công khai TTHC và kết quả giải quyết hồ sơ	3,5	2,5	3,5		
3.2.1	Công bố TTHC và danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh	0,25	0,25	0,25	- Tham mưu UBND tỉnh công bố 100% quyết định, danh mục TTHC kịp thời, đúng quy định. - Báo cáo kết quả thực hiện	- Chủ trì: Văn phòng UBND tỉnh - Phối hợp: các Sở, Ban, ngành, UBND cấp huyện
3.2.2	Nhập, đăng tải công khai	0,25	0,25	0,25	- Cập nhật TTHC và các văn bản quy định về	- Chủ trì: Văn phòng UBND



STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm đạt năm 2019	Mức tiêu năm 2020	Nhiệm vụ, giải pháp	Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị chủ trì và liên quan
	TTHC vào Cơ sở dữ liệu quốc gia sau khi công bố				TTHC vào Cơ sở dữ liệu quốc gia kịp thời theo hướng dẫn. - Báo cáo kết quả thực hiện	trình - Phối hợp: các Sở, Ban, ngành, UBND cấp huyện
3.2.3	Phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết TTHC	0,75	0,75	0,75	Các Sở, Ban, ngành phối hợp Văn phòng UBND tỉnh xây dựng quy trình nội bộ cho từng TTHC thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã theo lĩnh vực quản lý trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt. Đảm bảo 100% các cơ quan, đơn vị thực hiện xây dựng quy trình nội bộ giải quyết TTHC.	- Chủ trì: Văn phòng UBND tỉnh - Phối hợp: các Sở, Ban, ngành, UBND cấp huyện
3.2.4	Tỷ lệ COCCM cấp tỉnh và DVHC cấp huyện, cấp xã công khai TTHC đầy đủ, đúng quy định tại nơi tiếp nhận, giải quyết TTHC	0,75	0,75	0,75	- Đơn đốc, hướng dẫn việc công khai TTHC, đảm bảo 100% TTHC quy định thực hiện theo cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông được công khai, đầy đủ, kịp thời, đúng quy định tại Trung tâm Hành chính công của tỉnh, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện, cấp xã - Báo cáo kết quả thực hiện	- Chủ trì: các Sở, Ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã - Phối hợp: Văn phòng UBND tỉnh
3.2.5	Tích hợp TTHC từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về Công thông tin điện tử (TTĐT) của tỉnh và Trang TTĐT của các cơ quan, đơn vị	0,75	0,25	0,75	- Hướng dẫn, đơn đốc, kiểm tra các cơ quan, đơn vị công khai TTHC trên Trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị, đảm bảo: - 100% TTHC được công khai đầy đủ trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh; - 100% cơ quan chuyên môn cấp tỉnh công khai TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết trên Trang TTĐT của đơn vị - 100% đơn vị hành chính cấp huyện công khai	- Chủ trì: Văn phòng UBND tỉnh - Phối hợp: các Sở, Ban, ngành, UBND cấp huyện

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm đạt năm 2019	Mục tiêu năm 2020	Nhiệm vụ, giải pháp	Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị chủ trì và liên quan
3.2.6	Công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC trên Công dịch vụ công của tỉnh	0,75	0,25	0,75	TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết trên Trang TTĐT của đơn vị - Báo cáo kết quả thực hiện	- Chủ trì: Văn phòng UBND tỉnh - Phối hợp: Các Sở, Ban, ngành; UBND cấp huyện
3.3	Thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông	3,5	3,5	3,5	- Rà soát, công bố danh mục TTHC thực hiện việc tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa các cấp. - Theo dõi, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, đảm bảo 100% TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã được thực hiện theo cơ chế một cửa theo quy định của UBND tỉnh (trừ các TTHC thực hiện lưu động). - Báo cáo kết quả thực hiện	- Chủ trì: Văn phòng UBND tỉnh - Phối hợp: Các Sở, Ban, ngành; UBND cấp huyện, cấp xã
3.3.1	Tỷ lệ TTHC thực hiện việc tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ phận Một cửa	1	1	1	Bảo hiểm xã hội tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh phối hợp Văn phòng UBND tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã đưa TTHC ngành dọc thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận Một cửa các cấp theo danh mục được phê duyệt tại Quyết định số 1291/QĐ-TTg ngày 07/10/2019 của Thủ tướng Chính phủ. Đối với lĩnh vực Công an, Công an tỉnh tiếp tục	- Chủ trì: Công an tỉnh, Bảo hiểm xã hội tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh - Phối hợp: Văn phòng UBND tỉnh; UBND cấp huyện, UBND cấp xã.
3.3.2	Đưa TTHC ngành dọc thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận Một cửa các cấp theo danh mục được phê duyệt	0,5	0,5	0,5		

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm đạt năm 2019	Mức tiêu năm 2020	Nhiệm vụ, giải pháp	Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị chủ trì và liên quan
3.3.3	Số TTHC hoặc nhóm TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông cùng cấp	1	1	1	<ul style="list-style-type: none"> - Rà soát, công bố danh mục TTHC thực hiện việc tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa liên thông cùng cấp. - Theo dõi, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, đảm bảo 100% TTHC thực hiện theo hình thức liên thông cùng cấp được thực hiện theo quy định của UBND tỉnh. - Báo cáo kết quả thực hiện 	<ul style="list-style-type: none"> - Chủ trì: Văn phòng UBND tỉnh - Phối hợp: Các Sở, Ban, ngành; UBND cấp huyện, cấp xã
3.3.4	Số TTHC hoặc nhóm TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông giữa các cấp chính quyền	1	1	1	<ul style="list-style-type: none"> - Rà soát, công bố danh mục TTHC thực hiện việc tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa liên thông giữa các cấp chính quyền - Theo dõi, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, đảm bảo 100% TTHC thực hiện theo hình thức liên thông giữa các cấp chính quyền được thực hiện theo quy định của UBND tỉnh. - Báo cáo kết quả thực hiện 	<ul style="list-style-type: none"> - Chủ trì: Văn phòng UBND tỉnh - Phối hợp: Các Sở, Ban, ngành; UBND cấp huyện, cấp xã
3.4	Kết quả giải quyết TTHC	5	4,9752	4,97		
3.4.1	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do cơ quan chuyên môn cấp tỉnh tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn	1,5	1,4922	1,49	<ul style="list-style-type: none"> - Từ 97% - 100% số hồ sơ TTHC được giải quyết đúng hạn - Báo cáo công tác kiểm soát TTHC năm của UBND tỉnh 	<ul style="list-style-type: none"> - Chủ trì: Các Sở, Ban, ngành - Phối hợp: Văn phòng UBND tỉnh
3.4.2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND	1,5	1,4852	1,49	<ul style="list-style-type: none"> - Từ 97% - 100% số hồ sơ TTHC được giải quyết 	<ul style="list-style-type: none"> - Chủ trì: UBND cấp huyện

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm đạt năm 2019	Mục tiêu năm 2020	Nhiệm vụ, giải pháp	Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị chủ trì và liên quan
	cấp huyện tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn				đúng hạn - Báo cáo công tác kiểm soát TTHC năm của UBND tỉnh	- Phối hợp: Văn phòng UBND tỉnh, các đơn vị liên quan
3.4.3	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn	1	0,9978	0,99	- Từ 97% - 100% số hồ sơ TTHC được giải quyết đúng hạn - Báo cáo công tác kiểm soát TTHC năm của UBND tỉnh	- Chủ trì: UBND cấp huyện; cấp xã - Phối hợp: Văn phòng UBND tỉnh, các đơn vị liên quan
3.4.4	Thực hiện việc xin lỗi người dân, tổ chức khi để xảy ra trễ hạn trong giải quyết hồ sơ TTHC	0,25	0,25	0,25	100% số hồ sơ TTHC giải quyết trễ hạn do phía cơ quan nhà nước phải ban hành văn bản xin lỗi người dân, tổ chức	- Chủ trì: Các cơ quan, đơn vị có TTHC giải quyết trễ hạn - Phối hợp: Văn phòng UBND tỉnh, các đơn vị liên quan
3.4.5	Đánh giá chất lượng giải quyết TTHC của địa phương	0,75	0,75	0,75	Trung tâm Hành chính công tỉnh; Bộ phận Một cửa cấp huyện, Bộ phận Một cửa cấp xã thực hiện thu nhận thông tin đánh giá chất lượng giải quyết TTHC theo một trong các hình thức quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP và Thông tư 01/2018/TT-VPCP và công khai kết quả đánh giá chất lượng giải quyết TTHC trên Trang TTĐT của đơn vị, trên Cổng Dịch vụ công của tỉnh.	- Chủ trì: Văn phòng UBND tỉnh; UBND cấp huyện; UBND cấp xã
3.5	Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị (PAKN) của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh	1	1	1	100% PAKN trong năm về TTHC do tỉnh tiếp nhận trực tiếp và các PAKN do Văn phòng Chính phủ, các bộ, ngành Trung ương tiếp nhận và yêu cầu tỉnh giải quyết theo quy định tại Nghị định số 20/2008/NĐ-CP, Nghị định số 63/2010/NĐ-CP và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc hướng dẫn thi hành được giải	- Chủ trì: Các Sở, Ban, ngành; UBND cấp huyện, cấp xã - Phối hợp: Văn phòng UBND tỉnh, các đơn vị liên quan

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm đạt năm 2019	Mức tiêu năm 2020	Nhiệm vụ, giải pháp	Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị chủ trì và liên quan
4	Cải cách tổ chức bộ máy hành chính	12	10,23703	10,5	quyết kịp thời, đúng quy định.	
4.1	Thực hiện quy định của Chính phủ và hướng dẫn của các bộ, ngành về tổ chức bộ máy	3,5	3,5	3,5	<ul style="list-style-type: none"> - Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị thực hiện đúng quy định về tổ chức bộ máy. Đảm bảo 100% số cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, phòng chuyên môn cấp huyện được quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu đúng quy định. - Tổ chức thanh tra, kiểm tra và đề xuất xử lý đối với các cơ quan, đơn vị thực hiện sai quy định về tổ chức bộ máy. - Báo cáo chuyên đề đánh giá về rà soát, kiện toàn tổ chức bộ máy 	<ul style="list-style-type: none"> - Chủ trì: Sở Nội vụ - Phối hợp: các Sở, Ban, ngành, UBND cấp huyện
4.1.1	Sắp xếp tổ chức bộ máy và kiện toàn chức năng, nhiệm vụ của các COCM cấp tỉnh, các phòng chuyên môn cấp huyện	1	1	1	<ul style="list-style-type: none"> - 100% cơ quan chuyên môn cấp tỉnh; các phòng thuộc cơ quan chuyên môn cấp tỉnh; các phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện thực hiện đúng quy định về cấp phó của người đứng đầu - Tổ chức thanh tra, kiểm tra và đề xuất xử lý đối với các cơ quan, đơn vị thực hiện không đúng quy định - Báo cáo kết quả thực hiện 	<ul style="list-style-type: none"> - Chủ trì: Sở Nội vụ - Phối hợp: các Sở, Ban, ngành, UBND cấp huyện
4.1.2	Thực hiện quy định về cơ cấu số lượng lãnh đạo tại các cơ quan hành chính	1,5	1,5	1,5		
4.1.3	Tỷ lệ giảm số lượng đơn vị sự nghiệp công lập so với năm	1	1	1	Nghiêm túc thực hiện việc rà soát, sắp xếp tinh gọn bộ máy, sáp nhập, giải thể các DVSNCL theo	<ul style="list-style-type: none"> - Chủ trì: Sở Nội vụ - Phối hợp: Các Sở, Ban, ngành;

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm đạt năm 2019	Mục tiêu năm 2020	Nhiệm vụ, giải pháp	Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị chủ trì và liên quan
	2015				đúng quy định, đảm bảo năm đánh giá có số lượng ĐVSNCL giảm so với năm 2015 từ 10% trở lên.	UBND cấp huyện; các đơn vị SNCL thuộc UBND cấp tỉnh; các đơn vị SNCL thuộc UBND cấp huyện.
4.2	Thực hiện quy định về sử dụng biên chế được cấp có thẩm quyền giao	2,5	2,2523	2,5		
4.2.1	Thực hiện quy định về sử dụng biên chế hành chính	0,5	0,5	0,5	<ul style="list-style-type: none"> - Bổ trí, sử dụng số lượng biên chế phù hợp đối với các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước của tỉnh - Tổ chức thanh tra, kiểm tra và đề xuất xử lý đối với các cơ quan, đơn vị thực hiện sai quy định về sử dụng biên chế được giao - Báo cáo kết quả thực hiện 	<ul style="list-style-type: none"> - Chủ trì: Sở Nội vụ - Phối hợp: Các Sở, Ban, ngành, UBND cấp huyện.
4.2.2	Thực hiện quy định về số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh	0,5	0,5	0,5	<ul style="list-style-type: none"> - Theo dõi, hướng dẫn các đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng đúng số lượng người làm việc được giao - Tổ chức thanh tra, kiểm tra và đề xuất xử lý đối với các cơ quan, đơn vị thực hiện sai quy định về sử dụng quá số lượng người làm việc được giao - Báo cáo kết quả thực hiện 	<ul style="list-style-type: none"> - Chủ trì: Sở Nội vụ - Phối hợp: Các Sở, Ban, ngành, UBND cấp huyện
4.2.3	Tỷ lệ giảm biên chế so với năm 2015	1,5	1,2523	1,5	Triển khai Đề án tinh giản biên chế theo Nghị định 108/NĐ-CP ngày 20/11/2014 đảm bảo đúng lộ trình, phấn đấu trong năm 2020 tỷ lệ giảm biên chế so với năm 2015 đạt từ 10% trở lên	<ul style="list-style-type: none"> - Chủ trì: Sở Nội vụ - Phối hợp: Các Sở, Ban, ngành, UBND cấp huyện
4.3	Thực hiện phân cấp quản lý	1,5	1,5	1,5	- Thực hiện các nhiệm vụ về phân cấp quản lý nhà	- Chủ trì: Sở Nội vụ

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm đạt năm 2019	Mức tiêu năm 2020	Nhiệm vụ, giải pháp	Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị chủ trì và liên quan
					<p>nước theo đúng quy định của Chính phủ; các bộ, ngành;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng Kế hoạch kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện các nhiệm vụ đã phân cấp; - 100% vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý - Báo cáo kết quả thực hiện 	<ul style="list-style-type: none"> - Phối hợp: Các Sở, Ban, ngành, UBND cấp huyện; các đơn vị được kiểm tra.
4.4	Tác động của cải cách đến tổ chức bộ máy hành chính	4,5	2,98473	3	<ul style="list-style-type: none"> - Các Sở, Ban, ngành và UBND các huyện, thành phố thường xuyên quán triệt, triển khai thực hiện đúng Quy chế làm việc của UBND tỉnh; nâng cao tinh thần trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương giải quyết công việc, thực hiện nhiệm vụ được giao. - Rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn, hiệu lực hiệu quả theo Nghị quyết số 18, 19 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII. Khắc phục tình trạng chồng chéo, trùng lặp về chức năng, nhiệm vụ giữa các cơ quan, đơn vị (sở, ngành, phòng, ban). - Đẩy mạnh phân quyền, phân cấp trong quản lý nhà nước giữa chính quyền cấp trên và cấp dưới, đặc biệt việc phân cấp phải phù hợp với năng lực của đơn vị được phân cấp; gắn với các điều kiện đảm bảo thực hiện; gắn với trách nhiệm quản lý, kiểm tra, giám sát. 	Các Sở, Ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã
5	Xây dựng và nâng cao chất	14	9,88606	12,05		

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm đạt năm 2019	Mục tiêu năm 2020	Nhiệm vụ, giải pháp	Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị chủ trì và liên quan
5.1	lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức Thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm	2	1	2		
5.1.1	Tỷ lệ cơ quan, tổ chức hành chính của tỉnh bố trí công chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt	1	1	1	- Hoàn thiện bản mô tả công việc và khung năng lực VTVL tại các cơ quan, đơn vị; thực hiện sắp xếp cơ cấu công chức theo vị trí việc làm đã được phê duyệt. Đảm bảo 100% công chức được bố trí theo đúng vị trí việc làm. - Báo cáo kết quả thực hiện.	- Chủ trì: Sở Nội vụ - Phối hợp: Các Sở, Ban, ngành, UBND cấp huyện
5.1.2	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh bố trí viên chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt	1	0	0,5	- Hoàn thiện bản mô tả công việc và khung năng lực VTVL tại các cơ quan, đơn vị; thực hiện sắp xếp cơ cấu công chức theo vị trí việc làm đã được phê duyệt. Đảm bảo từ 60-80% viên chức được bố trí theo đúng vị trí việc làm. - Báo cáo kết quả thực hiện.	- Chủ trì: Sở Nội vụ. - Phối hợp: Các Sở, Ban, ngành, các đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh
5.2	Tuyển dụng công chức, viên chức	1	1	1		
5.2.1	Thực hiện quy định về tuyển dụng công chức tại CQCM cấp tỉnh, ĐVHC cấp huyện, cấp xã	0,5	0,5	0,5	- Tham mưu thực hiện nghiêm quy định về tuyển dụng công chức cấp tỉnh huyện theo quy định. Đảm bảo 100% công chức được tuyển dụng đúng quy định - Hướng dẫn UBND các huyện, thị thực hiện đúng quy định về tuyển dụng công chức cấp xã. - Tổ chức thanh tra, kiểm tra về việc tuyển dụng, sử dụng công chức tại các cơ quan, đơn vị và đề	- Chủ trì: Sở Nội vụ - Phối hợp: Các Sở, Ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm đạt năm 2019	Mức tiêu năm 2020	Nhiệm vụ, giải pháp	Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị chủ trì và liên quan
5.2.2	Thực hiện quy định về tuyển dụng viên chức tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh	0,5	0,5	0,5	<ul style="list-style-type: none"> xuất xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm. - Báo cáo kết quả thực hiện. - Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị thực hiện đúng quy định về tuyển dụng viên chức sự nghiệp. Đảm bảo 100% viên chức được tuyển dụng đúng quy định - Tổ chức thanh tra, kiểm tra về việc tuyển dụng, sử dụng viên chức tại các cơ quan, đơn vị và đề xuất xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm. - Báo cáo kết quả thực hiện 	<ul style="list-style-type: none"> - Chủ trì: Các đơn vị thực hiện theo phân cấp - Phối hợp: Sở Nội vụ, các đơn vị có liên quan
5.3	Thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức theo thẩm quyền của tỉnh	0,5	0,25	0,5	<ul style="list-style-type: none"> - Tham mưu UBND tỉnh thực hiện nghiêm các quy định về thi nâng ngạch công chức. - Báo cáo kết quả thực hiện 	<ul style="list-style-type: none"> - Chủ trì: Sở Nội vụ - Phối hợp: Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện; các đơn vị có liên quan
5.3.1	Thực hiện quy định về thi nâng ngạch công chức	0,25	0	0,25	<ul style="list-style-type: none"> - Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị thực hiện đúng quy định về thi, xét thăng hạng viên chức. - Tổ chức thanh tra, kiểm tra việc thực hiện thi, xét thăng hạng viên chức tại các cơ quan, đơn vị. - Báo cáo kết quả thực hiện 	<ul style="list-style-type: none"> - Chủ trì: Các đơn vị thực hiện theo phân cấp - Phối hợp: Sở Nội vụ, các đơn vị có liên quan
5.3.2	Thực hiện quy định về thi, xét thăng hạng viên chức	0,25	0,25	0,25	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện đúng quy định về bổ nhiệm lãnh đạo tại các cơ quan hành chính. Đảm bảo 100% lãnh đạo được bổ nhiệm đúng quy định - Kiểm tra, rà soát, báo cáo kết quả thực hiện 	<ul style="list-style-type: none"> Chủ trì: Sở Nội vụ, Các Sở, Ban, ngành; UBND cấp huyện Phối hợp: Các đơn vị có liên quan
5.4	Thực hiện quy định về bổ nhiệm vị trí lãnh đạo tại các cơ quan hành chính	0,75	0,5	0,75		

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm đạt năm 2019	Mục tiêu năm 2020	Nhiệm vụ, giải pháp	Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị chủ trì và liên quan
5.5	Đánh giá, phân loại công chức, viên chức	1,75	1,25	1,75		
5.5.1	Thực hiện trình tự, thủ tục đánh giá, phân loại công chức, viên chức theo quy định	0,25	0,25	0,25	<ul style="list-style-type: none"> Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị thực hiện việc đánh giá, phân loại công chức, viên chức theo đúng quy định. Báo cáo kết quả đánh giá, phân loại công chức, viên chức 	<ul style="list-style-type: none"> Chủ trì: Sở Nội vụ. Phối hợp: Các Sở, Ban, ngành; UBND cấp huyện; các đơn vị có liên quan
5.5.2	Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức	1,5	1	1,5	<ul style="list-style-type: none"> Thường xuyên tổ chức kiểm tra công vụ trên địa bàn tỉnh Thực hiện nghiêm về quản lý cán bộ, công chức, viên chức; đảm bảo không có lãnh đạo UBND tỉnh; lãnh đạo cấp sở, ngành, huyện; lãnh đạo cấp phòng thuộc CQCM cấp tỉnh, UBND cấp huyện và tương đương bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên. 	<ul style="list-style-type: none"> Chủ trì: Sở Nội vụ. Phối hợp: Các Sở, Ban, ngành; UBND cấp huyện; và các đơn vị có liên quan
5.6	Mức độ hoàn thành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức	1	1	1	<ul style="list-style-type: none"> Hoàn thành 100% hoạt động đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC tại Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng năm 2020 của tỉnh. Báo cáo kết quả thực hiện 	<ul style="list-style-type: none"> Chủ trì: Sở Nội vụ. Phối hợp: Các Sở, Ban, ngành; UBND cấp huyện; UBND cấp xã các đơn vị có liên quan
5.7	Cán bộ, công chức cấp xã	1	0,5	0,75		
5.7.1	Tỷ lệ đạt chuẩn của công chức cấp xã	0,5	0,25	0,5	<ul style="list-style-type: none"> Thực hiện rà soát, đào tạo bồi dưỡng công chức cấp xã, đảm bảo đến cuối năm 2020, 100% công chức cấp xã đạt chuẩn theo quy định Báo cáo chất lượng đội ngũ công chức cấp xã 	<ul style="list-style-type: none"> Chủ trì: UBND cấp huyện. Phối hợp: Sở Nội vụ; các cơ quan, đơn vị liên quan
5.7.2	Tỷ lệ đạt chuẩn của cán bộ cấp xã	0,5	0,25	0,25	<ul style="list-style-type: none"> Thực hiện rà soát, đào tạo bồi dưỡng cán bộ cấp xã, đảm bảo đến cuối năm 2020, đạt từ 90% cán 	<ul style="list-style-type: none"> Chủ trì: UBND cấp huyện. Phối hợp: Sở Nội vụ; các cơ

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm đạt năm 2019	Mức tiêu năm 2020	Nhiệm vụ, giải pháp	Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị chủ trì và liên quan
5.8	Tác động của cải cách đến quản lý cán bộ, công chức	2	1,60247	1,8	<ul style="list-style-type: none"> bộ cấp xã đạt chuẩn theo quy định - Báo cáo chất lượng đội ngũ cán bộ cấp xã - Thực hiện công khai, minh bạch trong công tác tuyển dụng công chức, viên chức; bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo, quản lý; thi nâng ngạch công chức, xét thăng hạng viên chức. - Tổ chức thanh tra, kiểm tra và xử lý nghiêm các trường hợp để xảy ra tiêu cực trong tuyển dụng, bổ nhiệm, thi nâng ngạch, xét thăng hạng công chức, viên chức. 	<ul style="list-style-type: none"> quan, đơn vị liên quan - Chủ trì: Sở Nội vụ, Các Sở, Ban, ngành; UBND cấp huyện; UBND cấp xã - Phối hợp: Các đơn vị có liên quan
5.9	Tác động của cải cách đến chất lượng đội ngũ công chức, viên chức	4	2,78359	3		
6	Cải cách tài chính công	12,5	9,67483	10,5		
6.1	Tổ chức thực hiện công tác tài chính - ngân sách	3	1,9361	2,25		
6.1.1	Thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước hàng năm	1	0,9361	1	<ul style="list-style-type: none"> Thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước hàng năm theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của các cơ quan có thẩm quyền; đảm bảo tỷ lệ thực hiện giải ngân đạt từ 80% trở lên so với kế hoạch được giao. 	<ul style="list-style-type: none"> - Chủ trì: Sở Kế hoạch & Đầu tư - Phối hợp: Các Sở, Ban, ngành; UBND cấp huyện; các đơn vị có liên quan
6.1.2	Thực hiện cơ chế tự chủ về sử dụng kinh phí quản lý hành chính tại cơ quan hành chính các cấp ở địa phương	1	1	1	<ul style="list-style-type: none"> - 100% cơ quan hành chính thực hiện đúng quy định về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính - Báo cáo kết quả thực hiện 	<ul style="list-style-type: none"> - Chủ trì: Sở Tài chính. - Phối hợp: Các Sở, Ban, ngành; UBND cấp huyện; các đơn vị có liên quan
6.1.3	Tổ chức thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài	1	0	0,25	<ul style="list-style-type: none"> Tham mưu, đôn đốc, các cơ quan đơn vị có liên quan triển khai thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, 	<ul style="list-style-type: none"> - Chủ trì: Sở Tài chính - Phối hợp: Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện; các đơn vị có

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm đạt năm 2019	Mục tiêu năm 2020	Nhiệm vụ, giải pháp	Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị chủ trì và liên quan
	chính, ngân sách				ngân sách kịp thời, đúng quy định; đảm bảo đạt tỷ lệ từ 80% số tiền nộp NSNN kiến nghị trở lên.	liên quan
6.2	Công tác quản lý, sử dụng tài sản công	2	1,25	1,75		
6.2.1	Ban hành các văn bản thuộc thẩm quyền của tỉnh về quản lý, sử dụng tài sản công	0,5	0,25	0,5	Ban hành các văn bản thuộc thẩm quyền của tỉnh về quản lý, sử dụng tài sản công (các quy định chưa ban hành gồm: Định mức ô tô, điện tích, hao mòn)	- Chủ trì: Sở Tài chính - Phối hợp: Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện; các đơn vị có liên quan
6.2.2	Ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý	0,5	0,25	0,5	Đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh được giao quản lý, sử dụng tài sản công ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của các cơ quan, đơn vị theo đúng quy định, đảm bảo tỷ lệ 100% cơ quan, đơn vị ban hành.	- Chủ trì: Sở Tài chính - Phối hợp: Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện; các đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản công
6.2.3	Thực hiện quy định về sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc thẩm quyền quản lý	0,75	0,5	0,5	Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công. Phần đầu từ 70% số cơ sở nhà, đất trở lên được phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý trong năm đánh giá.	- Chủ trì: Sở Tài chính - Phối hợp: Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện; các đơn vị có liên quan
6.2.4	Kiểm tra việc thực hiện các quy định về quản lý tài sản công	0,25	0,25	0,25	- Tổ chức kiểm tra việc tuân thủ tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công; kiểm tra việc thực hiện phương án sắp xếp lại, xử lý tài sản công tại các cơ quan, đơn vị. - Báo cáo kết quả thực hiện	- Chủ trì: Sở Tài chính - Phối hợp: Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện; các đơn vị có liên quan
6.3	Thực hiện cơ chế tự chủ tại các	3,5	3,5	3,5		



STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm đạt năm 2019	Mức tiêu năm 2020	Nhiệm vụ, giải pháp	Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị chủ trì và liên quan
	đơn vị sự nghiệp công lập (SNCL)					
6.3.1	Số đơn vị SNCL tự đảm bảo chi thường xuyên	1	1	1	<ul style="list-style-type: none"> - Tham mưu UBND tỉnh triển khai các giải pháp nhằm đảm bảo trong năm có thêm từ 02 đơn vị SNCL thuộc UBND tỉnh, thuộc cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, thuộc UBND cấp huyện được giao tự chủ ở mức tự bảo đảm chi thường xuyên so với năm 2019. - Báo cáo kết quả thực hiện 	<ul style="list-style-type: none"> - Chủ trì: Sở Tài chính - Phối hợp: Các Sở, Ban, ngành, UBND cấp huyện, các đơn vị sự nghiệp công lập
6.3.2	Số đơn vị SNCL tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	0,5	0,5	0,5	<ul style="list-style-type: none"> - Tham mưu UBND tỉnh triển khai các giải pháp nhằm đảm bảo trong năm có thêm từ 02 đơn vị SNCL thuộc UBND tỉnh, thuộc cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, thuộc UBND cấp huyện được giao tự chủ ở mức tự bảo đảm một phần chi thường xuyên so với năm 2019. - Báo cáo kết quả thực hiện 	<ul style="list-style-type: none"> - Chủ trì: Sở Tài chính - Phối hợp: Các Sở, Ban, ngành, UBND cấp huyện, các đơn vị sự nghiệp công lập
6.3.3	Thực hiện quy định về việc phân phối kết quả tài chính hoặc sử dụng kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên trong năm tại các đơn vị SNCL	1	1	1	<ul style="list-style-type: none"> Theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra các đơn vị SNCL thuộc UBND tỉnh, thuộc cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, thuộc UBND cấp huyện đã thực hiện cơ chế tự chủ về tài chính về việc phân phối kết quả tài chính hoặc sử dụng kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên trong năm, đảm bảo 100% đơn vị thực hiện đúng quy định. 	<ul style="list-style-type: none"> - Chủ trì: Sở Tài chính - Phối hợp: Các Sở, Ban, ngành, UBND cấp huyện, các đơn vị sự nghiệp công lập
6.3.4	Tỷ lệ giảm chi trực tiếp ngân sách cho đơn vị sự nghiệp so với năm 2015	1	1	1	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp tục thực hiện đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao hiệu quả hoạt động của các đơn vị SNCL. Triển khai tốt các Nghị định của Chính 	<ul style="list-style-type: none"> - Chủ trì: Sở Tài chính - Phối hợp: Các Sở, Ban, ngành, UBND cấp huyện, các đơn vị sự

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm đạt năm 2019	Mục tiêu năm 2020	Nhiệm vụ, giải pháp	Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị chủ trì và liên quan		
6.4	Tác động của cải cách đến quản lý tài chính công	4	2,98873	3	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện nghiêm Nghị quyết 07/2018/NQ-HĐND ngày 02/8/2018 của HĐND tỉnh về phân cấp quản lý sử dụng tài sản công trên địa bàn tỉnh. Ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của các cơ quan, đơn vị theo đúng quy định. - Nâng cao hơn nữa hiệu quả việc thực hiện cơ chế tự chủ về sử dụng kinh phí quản lý hành chính; việc thực hiện cơ chế tự chủ tại các đơn vị SNCL, đặc biệt là chủ động tạo thêm nguồn thu hợp pháp để tăng thêm thu nhập cho CBCCVC và người lao động. 	<ul style="list-style-type: none"> - Bảo cáo cơ chế tự chủ của tỉnh. - Các cơ quan, đơn vị thực hiện tốt Quy chế chi tiêu nội bộ; thực hiện nghiêm túc quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý sử dụng ngân sách Nhà nước. 	<ul style="list-style-type: none"> phủ về công tác tài chính của các đơn vị SNCL, mở rộng quyền tự chủ tài chính, tăng cường công tác xã hội hóa nguồn lực tài chính, đảm bảo tỷ lệ giảm chi trực tiếp ngân sách cho đơn vị sự nghiệp so với năm 2015 đạt từ 10% trở lên. 	<ul style="list-style-type: none"> ngành công lập
7	Hiện đại hóa hành chính	13	10,30494	12				
7.1	Ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) của tỉnh	5,5	4	5				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm đạt năm 2019	Mức tiêu năm 2020	Nhiệm vụ, giải pháp	Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị chủ trì và liên quan
7.1.1	Triển khai Kiến trúc Chính quyền điện tử của tỉnh	0,5	0,5	0,5	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức triển khai hiệu quả Kiến trúc Chính quyền điện tử - Báo cáo kết quả thực hiện 	<ul style="list-style-type: none"> - Chủ trì: Sở Thông tin và Truyền thông - Phối hợp: Các Sở, Ban, ngành, UBND cấp huyện, các cơ quan, đơn vị liên quan
7.1.2	Tỷ lệ văn bản trao đổi giữa các cơ quan hành chính nhà nước dưới dạng điện tử	1	1	1	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp tục theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị trong việc sử dụng phần mềm Văn phòng điện tử trong trao đổi văn bản; đảm bảo đạt tỷ lệ từ 90% trở lên. - Báo cáo kết quả thực hiện 	<ul style="list-style-type: none"> - Chủ trì: Sở Thông tin và Truyền thông - Phối hợp: Các Sở, Ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã
7.1.3	Thực hiện kết nối, liên thông các phần mềm quản lý văn bản (từ cấp tỉnh đến cấp xã)	1	1	1	<ul style="list-style-type: none"> - Hướng dẫn, kiểm tra việc sử dụng Phần mềm quản lý văn bản tại các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã, đảm bảo triển khai hiệu quả. - Báo cáo kết quả thực hiện 	<ul style="list-style-type: none"> - Chủ trì: Văn phòng UBND tỉnh. - Phối hợp: Các Sở, Ban, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã.
7.1.4	Vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử	1	1	1	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp tục theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị trong việc cập nhật dữ liệu trên Phần mềm một cửa điện tử; Công dịch vụ công của tỉnh. - Báo cáo kết quả thực hiện 	<ul style="list-style-type: none"> - Chủ trì: Văn phòng UBND tỉnh. - Phối hợp: Các Sở, Ban, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã.
7.1.5	Xây dựng, vận hành Công dịch vụ công	1	0,5	1	<ul style="list-style-type: none"> Nâng cấp hệ thống Dịch vụ công của tỉnh đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn kỹ thuật được quy định trong quyết định 1697/QĐ-BTTTT ngày 23/10/2018 của Bộ Thông tin và Truyền thông 	<ul style="list-style-type: none"> - Chủ trì: Văn phòng UBND tỉnh. - Phối hợp: Các Sở, Ban, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã.
7.1.6	Xây dựng Hệ thống thông tin	1	0	0,5	<ul style="list-style-type: none"> Xây dựng Hệ thống thông tin báo cáo cấp tỉnh có 	<ul style="list-style-type: none"> - Chủ trì: Văn phòng UBND

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm đạt năm 2019	Mục tiêu năm 2020	Nhiệm vụ, giải pháp	Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị chủ trì và liên quan
	báo cáo cấp tỉnh				các chức năng, yêu cầu kỹ thuật của Bộ Thông tin và Truyền thông.	tỉnh - Phối hợp: Các Sở, Ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã
7.2	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến	1,25	1	1,25		
7.2.1	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3, 4 có phát sinh hồ sơ trong năm	0,25	0	0,25	- Tiếp tục theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, người dân, doanh nghiệp thực hiện cung ứng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 theo danh mục TTHC đã được phê duyệt. - Thực hiện tuyên truyền bằng nhiều hình thức để người dân, doanh nghiệp biết, hiểu và sử dụng dịch vụ công trực tuyến.	- Chủ trì: Văn phòng UBND tỉnh. - Phối hợp: Sở Thông tin và Truyền thông; các Sở, Ban, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã và các đơn vị liên quan
7.2.2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 3 và 4	1	1	1	- Tiếp tục theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, người dân, doanh nghiệp thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 theo danh mục TTHC đã được phê duyệt. - Đảm bảo trong năm có từ 20% số hồ sơ TTHC trở lên được xử lý trực tuyến mức độ 3, mức độ 4	- Chủ trì: Văn phòng UBND tỉnh. - Phối hợp: Sở Thông tin và Truyền thông; các Sở, Ban, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã và các đơn vị liên quan
7.3	Thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích (BCCI)	1,25	1,25	1,25		
7.3.1	Tỷ lệ TTHC đã triển khai có phát sinh hồ sơ tiếp nhận/trả kết quả giải quyết qua dịch vụ	0,25	0,25	0,25	- Tiếp tục đôn đốc, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện tiếp nhận/trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ BCCI theo	- Chủ trì: Sở Thông tin và Truyền thông - Phối hợp: Bưu điện tỉnh, Văn

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm đạt năm 2019	Mức tiêu năm 2020	Nhiệm vụ, giải pháp	Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị chủ trì và liên quan
	BCCI				<p>danh mục TTHC quy định tại Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh.</p> <p>- Đảm bảo đạt tỷ lệ 50% số TTHC có phát sinh hồ sơ qua dịch vụ BCCI (tiếp nhận/trả kết quả hoặc cả hai) so với tổng số TTHC đang triển khai thực hiện</p>	<p>phòng UBND tỉnh, các Sở, Ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã.</p>
7.3.2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận qua dịch vụ BCCI	0,5	0,5	0,5	<p>Đảm bảo có từ 10% trở lên số hồ sơ TTHC được tiếp nhận qua dịch vụ BCCI so với tổng số hồ sơ đã thực hiện tiếp nhận qua dịch vụ BCCI có phát sinh hồ sơ.</p>	<p>- Chủ trì: Sở Thông tin và Truyền thông</p> <p>- Phối hợp: Bưu điện tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh, các Sở, Ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã.</p>
7.3.3	Tỷ lệ kết quả giải quyết TTHC được trả qua dịch vụ BCCI	0,5	0,5	0,5	<p>Đảm bảo có từ 10% trở lên số hồ sơ TTHC được trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI so với tổng số hồ sơ đã thực hiện trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ BCCI có phát sinh hồ sơ.</p>	<p>- Chủ trì: Sở Thông tin và Truyền thông</p> <p>- Phối hợp: Bưu điện tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh, các Sở, Ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã.</p>
7.4	Áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng (ISO 9001) theo quy định	1	1	1		
7.4.1	Tỷ lệ CQCM cấp tỉnh, DVHC cấp huyện công bố ISO 9001 theo quy định	0,5	0,5	0,5	<p>100% cơ quan đơn vị thực hiện công bố theo quy định của UBND tỉnh</p>	<p>- Chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ</p> <p>- Phối hợp: Các Sở, Ban, ngành; UBND cấp huyện; các đơn vị có</p>
7.4.2	Tỷ lệ CQCM cấp tỉnh, DVHC	0,5	0,5	0,5	<p>Thường xuyên đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra việc</p>	

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm đạt năm 2019	Mục tiêu năm 2020	Nhiệm vụ, giải pháp	Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị chủ trì và liên quan
	cấp huyện thực hiện đúng việc duy trì, cải tiến ISO 9001 theo quy định				duy trì, cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo quy định; đảm bảo 100% các cơ quan, đơn vị thực hiện đúng quy định. - Nâng cấp và hoàn thiện Công thông tin điện tử của tỉnh, đảm bảo các thông tin quản lý điều hành được cập nhật kịp thời, đầy đủ; thuận tiện truy cập, khai thác. - Nâng cao hiệu quả trong việc thực hiện quy trình ISO: đảm bảo về hạ tầng công nghệ thông tin; đào tạo, tập huấn, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng.	liên quan
7.5	Tác động của cải cách đến hiện đại hóa hành chính	4	3,05494	3,5		Các Sở, Ban, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã
8	Tác động của cchc đến người dân, tổ chức và phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh	16	9,7454	13		
8.1	Kết quả khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh	10	7,7454	8	- Đưa ra các giải pháp phù hợp để nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ hành chính công cho người dân, tổ chức; chú trọng những nội dung mà người dân, tổ chức mong đợi nhiều nhất như: Mở rộng hình thức tuyên truyền về nơi tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC để người dân tổ chức biết một cách dễ dàng, nhanh chóng; niêm yết, công khai TTHC rõ ràng, thuận tiện, đầy đủ; tiếp tục đơn giản hóa, rút ngắn thời gian giải quyết TTHC; tăng cường tiếp nhận và giải quyết TTHC qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4; dịch vụ	- Chủ trì: Các Sở: Tài nguyên và Môi trường; Giao thông vận tải; Xây dựng; Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Tư pháp; UBND cấp huyện, UBND cấp xã. - Phối hợp: Các Sở, Ban, ngành và các cơ quan, đơn vị liên quan.

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm đạt năm 2019	Mức tiêu năm 2020	Nhiệm vụ, giải pháp	Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị chủ trì và liên quan
8.2	Mức độ thu hút đầu tư của tỉnh	1	0	1	<p>Buru chính công ích.</p> <p>- Các lĩnh vực TTHC liên quan nhiều đến người dân, doanh nghiệp hàng năm Bộ Nội vụ khảo sát ý kiến người dân, doanh nghiệp đặc biệt cần chú trọng gồm:</p> <p>+ Cấp tỉnh: Tài nguyên và Môi trường (<i>Cấp giấy chứng nhận QSDĐ, Môi trường</i>); Giao thông vận tải (<i>Cấp Giấy phép lái xe, Vận tải</i>); Xây dựng (<i>Cấp Giấy phép xây dựng; Quy hoạch xây dựng</i>); Văn hóa, Thể thao và Du lịch (<i>Văn hóa cơ sở; Thẻ dực, thẻ thao</i>); Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (<i>Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Chăn nuôi và Thú y</i>); Tư pháp (<i>Lý lịch tư pháp, Trợ giúp pháp lý nhà nước</i>);</p> <p>+ Cấp huyện: Cấp giấy phép kinh doanh; Đất đai.</p> <p>+ Cấp xã: Lao động, Thương binh và Xã hội; Tư pháp.</p> <p>- Rà soát và đơn giản hóa thời gian, thủ tục hành chính trong lĩnh vực Đầu tư, kinh doanh, thành lập doanh nghiệp.</p> <p>- Xây dựng và thực hiện chương trình ký kết, hợp tác và đầu tư giữa tỉnh với các tỉnh khác trong và ngoài nước nhằm kêu gọi, thu hút đầu tư hiệu quả.</p> <p>- Tuyên truyền về cơ chế, chính sách và các nội dung liên quan để doanh nghiệp, nhà đầu tư nắm bắt.</p>	<p>- Chủ trì: Sở Kế hoạch và Đầu tư.</p> <p>- Phối hợp: Các cơ quan, đơn vị liên quan</p>

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm đạt năm 2019	Mục tiêu năm 2020	Nhiệm vụ, giải pháp	Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị chủ trì và liên quan
8.3	Mức độ phát triển doanh nghiệp của tỉnh	2	1	2		
8.3.1	Tỷ lệ doanh nghiệp thành lập mới trong năm	1	0	1	Phấn đấu đạt tỉ lệ doanh nghiệp thành lập mới trong năm tăng từ 10% trở lên so với năm 2019	- Chủ trì: Sở Kế hoạch và Đầu tư. - Phối hợp: Các cơ quan, đơn vị liên quan
8.3.2	Tỷ lệ đóng góp vào thu ngân sách tỉnh của khu vực doanh nghiệp	1	1	1	Phấn đấu tỷ lệ % đóng góp vào thu ngân sách tỉnh của khu vực doanh nghiệp cao hơn năm 2019	- Chủ trì: Sở Tài chính; Cục Thuế tỉnh. - Phối hợp: Các cơ quan, đơn vị liên quan
8.4	Thực hiện thu ngân sách hàng năm của tỉnh theo Kế hoạch được Chính phủ giao	1	1	1	Phấn đấu thu ngân sách của tỉnh trong năm 2020 vượt chỉ tiêu được Chính phủ giao từ 4% trở lên	- Chủ trì: Sở Tài chính - Phối hợp: Các cơ quan, đơn vị liên quan
8.5	Tỷ lệ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP)	1	0	0,5	Phấn đấu tỷ lệ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) của tỉnh bằng hoặc cao hơn so với năm 2019	Các Sở, Ban, ngành; UBND cấp huyện, UBND cấp xã và các cơ quan, đơn vị liên quan
8.6	Mức độ thực hiện các chỉ tiêu phát triển KT-XH do HĐND tỉnh giao	1	0	0,5	Phấn đấu có từ 90% chỉ tiêu trở lên đạt và vượt	Các Sở, Ban, ngành; UBND cấp huyện, UBND cấp xã và các cơ quan, đơn vị liên quan
Gồm	TỔNG ĐIỂM	100	78,92	89,02		
	Điểm thực hiện CCHC	66,5	54,16	62,72		
	Điểm điều tra xã hội học:	33,5	24,76	26,3		
	- Sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp - Sự hài lòng của cán bộ lãnh đạo, quản lý	10	7,75	8		
		23,5	17,01	18,3		

1900
KAG